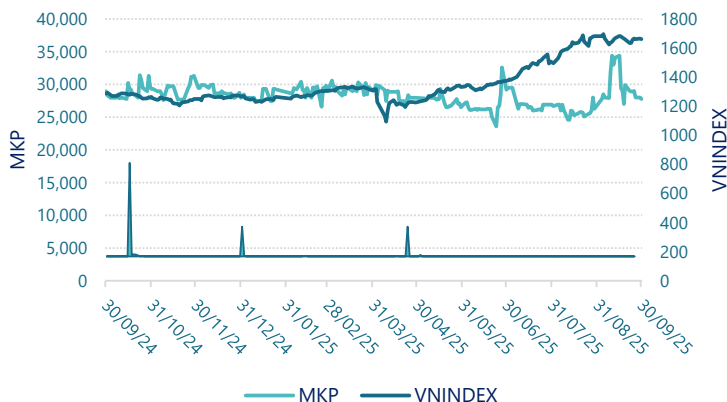


CTCP Hóa - Dược phẩm Mekophar (UPCOM: MKP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	27,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,600
SL cổ phiếu LH	25,268,221
KLGD BQ 20 phiên (CP)	211,047
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	702
P/E	-68.3
EPS	-407

DT thuần

Q3/25

226

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.0 | 14.3%

YoY: ▲ 21.0 | 10.4%

LN sau thuế

Q3/25

-9.69

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.31 | 39.4%

YoY: ▼ 16.2 | -249%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-4.3%

+/- YoY: ▼ 9.0%

DT thuần

9T 2025

653

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 14.0 | -2.0%

LN sau thuế

9T 2025

-39.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 52.6 | -393%

ROE

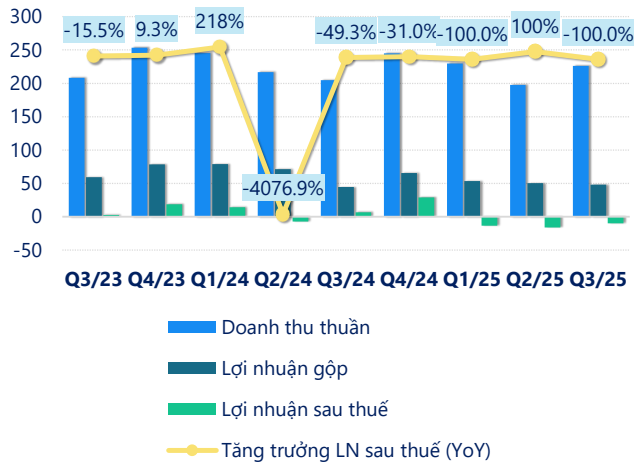
Q3/25

-0.8%

+/- YoY: ▼ 3.4%

tỷ VNĐ

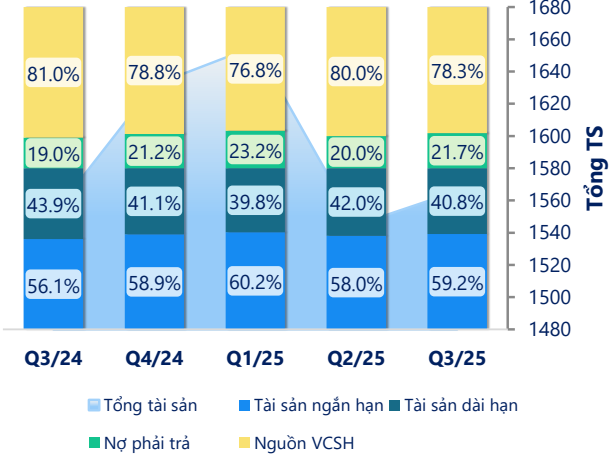
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

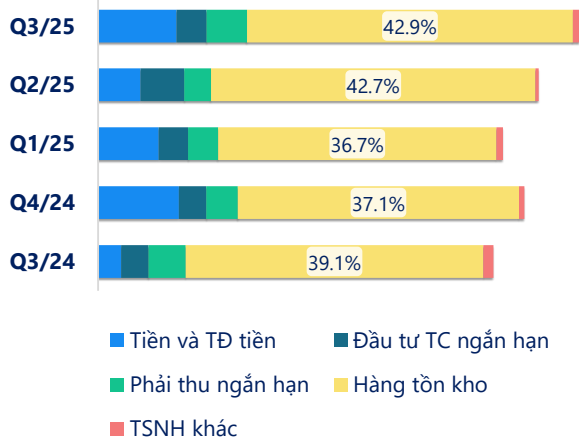
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



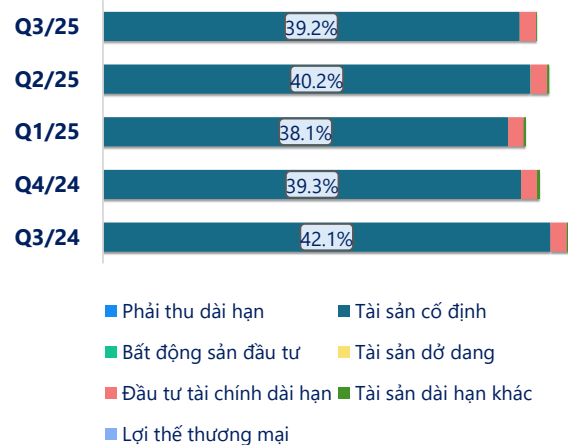
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

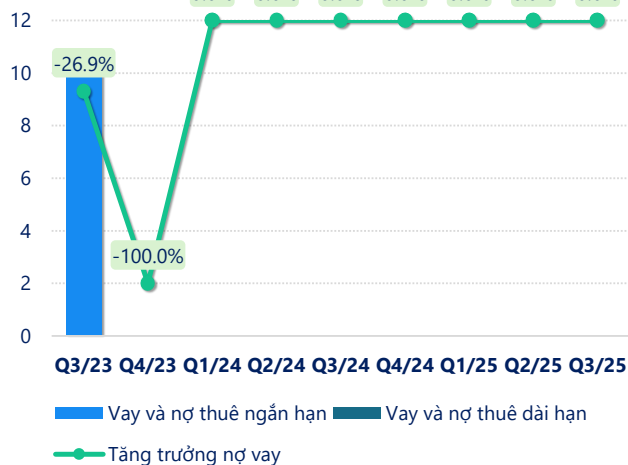
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

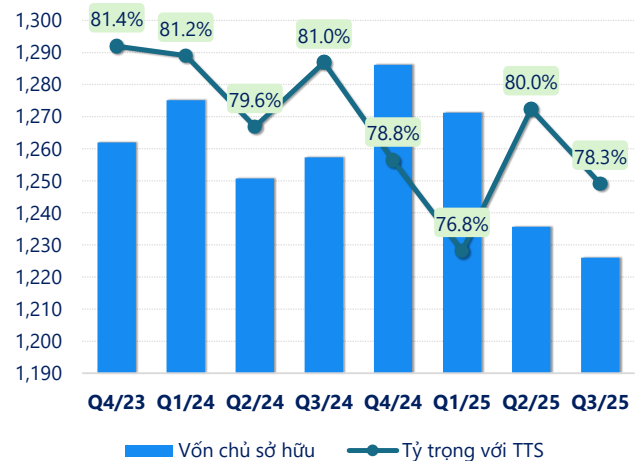
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

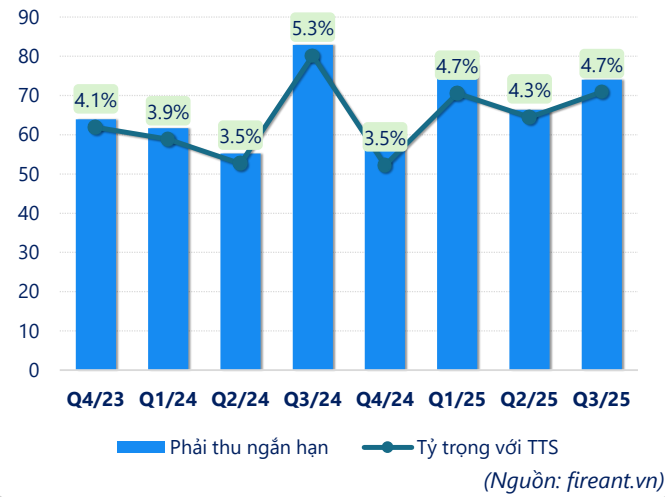
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

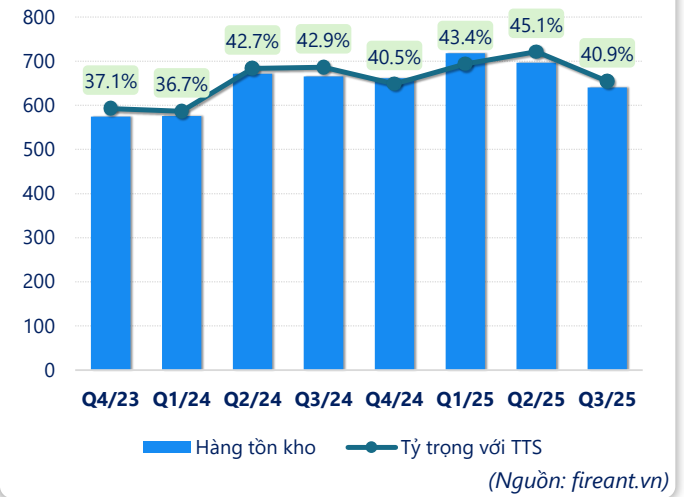


(Nguồn: fireant.vn)

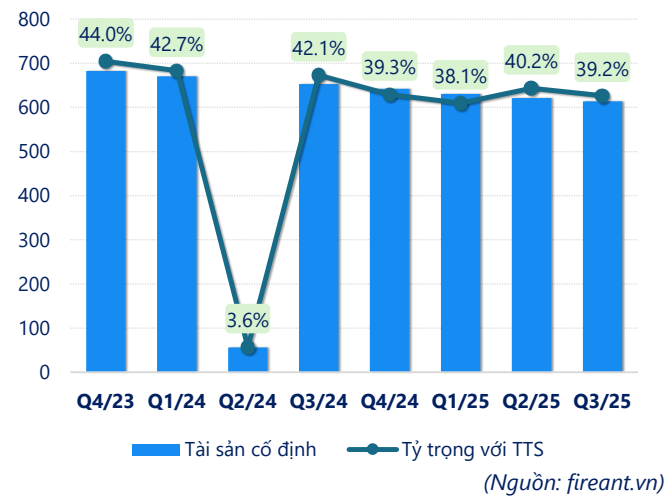
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


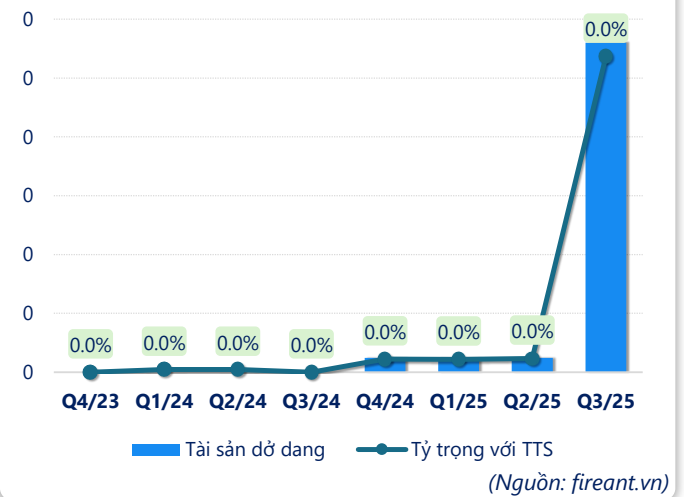
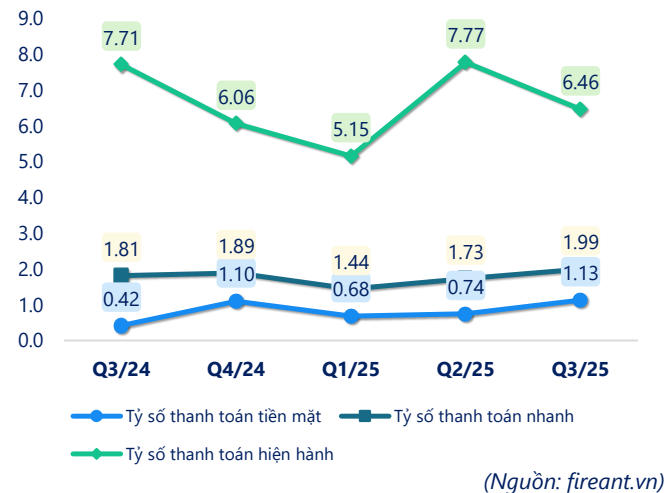
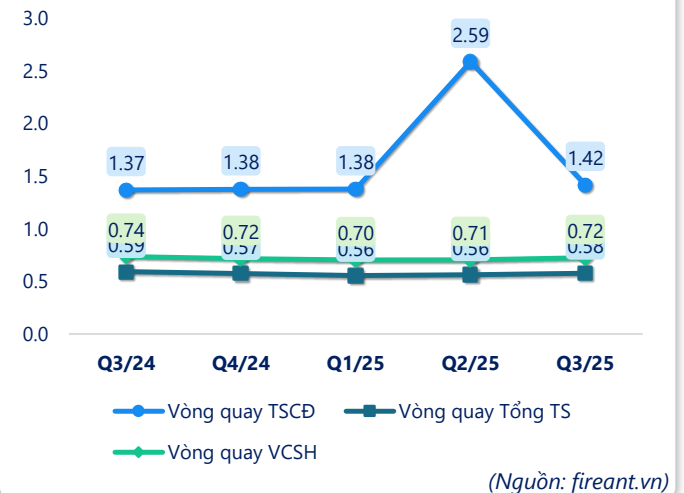
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,551	1,632	1,656	1,545	1,566
Tài sản ngắn hạn	870	961	997	897	926
Tiền và tương đương tiền	47.2	174	132	85.9	162
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.9	55.9	50.9	30.9	31.9
Phải thu ngắn hạn	82.9	56.8	77.8	66.4	74.0
Hàng tồn kho	666	661	718	697	641
Tài sản ngắn hạn khác	13.3	13.2	17.9	16.7	18.2
Tài sản dài hạn	681	670	659	648	639
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	653	642	631	621	613
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.00	0.00	0.00	0.06
Đầu tư tài chính dài hạn	24.1	24.1	24.1	24.1	24.1
Tài sản dài hạn khác	4.67	4.37	3.92	3.00	1.68
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	294	345	385	309	340
Nợ ngắn hạn	113	159	193	115	143
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	22.5	64.2	102	33.2	35.0
Nợ dài hạn	181	187	191	194	196
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,257	1,286	1,271	1,236	1,226
Vốn chủ sở hữu	1,257	1,286	1,271	1,236	1,226
Vốn điều lệ	255	255	255	255	255
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)